

Số: 20

Ngày 25/5/2020

Bản tin hàng tuần  
ra ngày thứ Hai

# VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

## VĂN BẢN MỚI

1. Cắt giảm ngay những quy định không cần thiết gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Tổng cục Năng lượng không được thực hiện thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công thương.

3. Không được dùng xăng dầu dự trữ quốc gia để kinh doanh.

4. Lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030 bảo đảm mọi

người dân được chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe.

5. Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

6. Các trường đại học vùng được quyền thiết kế mẫu văn bằng riêng.

7. Hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Người lái xe ô tô khi điều khiển phương tiện phải mang theo những giấy tờ gì?

2. Người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông phải mang theo những giấy tờ gì?

3. Mức xử phạt đối với người điều khiển xe ô tô không mang theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông?

4. Mức xử phạt đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông?

## VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

### 1. CẮT GIẢM NGAY NHỮNG QUY ĐỊNH KHÔNG CẦN THIẾT GÂY KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thúc đẩy, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động kinh doanh; giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Cắt giảm, đơn giản hóa ngay những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, là rào cản, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong các văn bản hiện hành góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

Đây là quan điểm chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 về việc ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

Theo đó, Chính phủ đề ra mục tiêu từ năm 2020-2025 cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đang có hiệu lực thi hành (tính đến hết 31/5/2020 được các Bộ, cơ quan thống kê chi phí và công bố lần đầu trước 31/10/2020). Đồng thời, Chính phủ cũng dự định giảm tối đa số lượng và kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản

có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Chính phủ đề ra các nhiệm vụ chính như sau: Thực hiện kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng năm; Cập nhật thường xuyên các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ; Tiếp nhận, thu thập, tổng hợp ý kiến, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định không còn phù hợp; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của cơ quan hành chính nhà nước, của tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình; tăng cường theo dõi, giám sát của các cơ quan truyền thông, báo chí, doanh nghiệp, người dân về kết quả cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh không còn phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân...

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 12/5/2020.

### 2. TỔNG CỤC NĂNG LƯỢNG KHÔNG ĐƯỢC THỰC HIỆN THANH TRA CHUYÊN NGÀNH THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

Ngày 18/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 54/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.

Cụ thể, từ ngày Nghị định này được thi hành, Tổng cục Năng lượng, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương không được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công Thương nữa. Thay vào đó, các cơ quan sau có thẩm quyền thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Công Thương: Tổng cục Quản lý thị trường; Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh; Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng; Cục Hóa chất; Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Cục Điều tiết điện lực; Cục Công nghiệp; Cục Xúc tiến thương mại; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số; Cục Phòng vệ thương mại.

Thanh tra các Sở Công thương được bổ sung thêm các quyền hạn và nhiệm vụ sau: theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo của Giám đốc Sở, Thanh tra Sở; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Công Thương thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.

Bên cạnh đó, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục phải tổ chức theo mô hình Vụ; tại Cục thuộc Bộ Công Thương, Cục thuộc Tổng cục phải tổ

chức theo mô hình Phòng (trong khi theo quy định cũ, có thể giao bộ phận khác của Tổng cục, Cục, Chi cục kiêm nhiệm việc tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành).

Ngoài ra, Chính phủ cũng thay đổi nội dung thanh tra chuyên ngành về: Hoạt động thương mại; Lĩnh vực hóa chất; Lĩnh vực công nghiệp; Lĩnh vực an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường Công Thương; Lĩnh vực cạnh tranh và hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 07/7/2020. Nghị định này làm hết hiệu lực một phần Nghị định 127/2015/NĐ-CP và Nghị định 07/2012/NĐ-CP quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

### **3. KHÔNG ĐƯỢC DÙNG XĂNG DẦU DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐỂ KINH DOANH**

Ngày 15/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định 16/2020/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia. Quy chế này quy định nội dung quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia về danh mục chi tiết; tổ chức quản lý; kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước; mua, bán, nhập, xuất, luân phiên đổi hàng; bảo quản; sử dụng; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật; kho dự trữ quốc gia; cơ chế tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán nhà nước; báo cáo thống kê.

Theo đó, xăng dầu dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ về số lượng và chất lượng, bảo đảm bí

mật, an toàn; chủ động đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu dự trữ quốc gia. Việc sử dụng xăng dầu dự trữ quốc gia phải thực hiện đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và không được sử dụng để kinh doanh. Xăng dầu dự trữ quốc gia sau khi xuất cấp phải được bù lại đầy đủ, kịp thời. Ngoài ra, các chi phí bảo quản xăng dầu dự trữ quốc gia hằng năm cũng phải được tính đúng, đủ theo quy định của pháp luật.

Danh mục các loại xăng dầu dự trữ quốc gia bao gồm: xăng ô tô, dầu Diesel, dầu mazut, nhiên liệu dùng cho quân sự, nhiên liệu dùng cho máy bay dân dụng, dầu thô và các loại xăng dầu theo quy định của Chính phủ. Kế hoạch dự trữ xăng dầu quốc gia sẽ được các bộ, ngành quản lý xây dựng hằng năm, 05 năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch dự trữ quốc gia.

Kế hoạch tăng xăng dầu dự trữ quốc gia bao gồm số lượng và giá trị xăng dầu nhập tăng đưa vào dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch hoặc kỳ kế hoạch được lập chi tiết từng mặt hàng theo quy cách, chủng loại, thời gian sản xuất. Kế hoạch giảm xăng dầu dự trữ quốc gia bao gồm số lượng và giá trị các mặt hàng xăng dầu xuất giảm do: Hao hụt theo định mức; không còn nhu cầu tiếp tục dự trữ quốc gia; thay đổi yêu cầu về số lượng, danh mục chi tiết xăng dầu dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch hoặc kỳ kế hoạch và được lập chi tiết từng mặt hàng xăng dầu theo quy cách, chủng loại, thời gian sản xuất, thời gian nhập kho dự trữ quốc gia.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

#### **4. LẬP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ THỜI KỲ 2021 – 2030 BẢO ĐẢM MỌI NGƯỜI DÂN ĐƯỢC CHĂM SÓC, BẢO VỆ, NÂNG CAO SỨC KHỎE**

Ngày 18/5/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 648/QĐ-TTg về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cụ thể, phạm vi về đối tượng Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 là các cơ sở y tế (bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, y tế công cộng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, kiểm nghiệm, kiểm chuẩn, kiểm định, giám định y tế, sản xuất dược, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế...) mang tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.

Bên cạnh đó, Quy hoạch nhằm mục tiêu bảo đảm mọi người dân được theo dõi sức khỏe; được chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe; được tiếp cận với các dịch vụ y tế phòng bệnh, khám chữa bệnh thuận lợi, chất lượng. Đồng thời, Quy hoạch cũng nhằm bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp; Cùng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế dự phòng, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh; phòng, chống các bệnh không lây nhiễm.

Nội dung quy hoạch phải phân tích, đánh giá thực trạng, các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng về phân bố, sử

dụng không gian của mạng lưới cơ sở y tế. Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển, trong đó có sự phát triển và quy mô về dân số và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới cơ sở y tế. Đánh giá về sự liên kết ngành, liên kết vùng trong việc phát triển mạng lưới cơ sở y tế; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành, những

cơ hội và thách thức. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở y tế.

Thời hạn lập Quy hoạch không quá 12 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18/5/2020.

## **VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

### **5. QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

Ngày 07/5/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non. Quy chế này quy định về tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non bao gồm: Quy định chung; tuyển sinh đào tạo chính quy; tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học, theo đặt hàng và liên thông; tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh, chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh).

Theo quy định mới, cơ sở giáo dục có thể sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông để sơ tuyển, xét tuyển hoặc sử dụng hình thức khác như thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Đối với trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học

phổ thông để xét tuyển thì: tổ hợp 03 bài thi/môn thi phải có ít nhất một trong hai bài thi Toán, Ngữ văn và chỉ được sử dụng tối đa 4 tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển cho một ngành.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng quy định trong trường hợp các trường tự tổ chức kỳ thi riêng để tuyển sinh thì phải có Đề án tổ chức kỳ thi riêng và công bố trên Trang thông tin điện tử của trường trước khi đăng ký dự thi ít nhất 15 ngày. Mặt khác, các trường này cũng phải có bộ phận độc lập chuyên trách thực hiện chức năng tổ chức thi tuyển sinh, có Quy chế thi tuyển sinh của trường gồm quy trình tổ chức và các quy định liên quan, điều kiện cơ sở vật chất phù hợp...

Bên cạnh đó, Quy chế này cũng bổ sung thêm các nhóm đối tượng thí sinh được tham dự xét tuyển hoặc dự thi đại học, cao đẳng, bao gồm: Học sinh học chương trình nước ngoài, tại trường trung học phổ thông ở Việt Nam (chương trình đó đã được nước sở tại công nhận và đạt trình độ tương ứng trình độ trung học phổ thông của Việt Nam); học

sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22/6/2020, làm hết hiệu lực Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT, Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT, Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT; làm hết hiệu lực một phần Quyết định 22/2001/QĐ-BGDĐT, Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT, Thông tư 10/2018/TT-BGDĐT.

## **6. CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐƯỢC QUYỀN THIẾT KẾ MẪU VĂN BẰNG RIÊNG**

Ngày 14/5/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

Theo đó, đại học vùng là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đại học vùng đặt trụ sở; có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Đại học vùng có chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ cộng đồng. Đơn vị thành viên của đại học vùng bao gồm trường đại học, viện nghiên cứu thành viên có tư cách pháp nhân do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của pháp luật; các đơn vị thành viên được tự chủ trong tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Đại học vùng được tự quyết định về phương thức tuyển sinh và chịu trách nhiệm về công tác tuyển

sinh của đại học vùng; đồng thời, là đầu mối về tuyển sinh của toàn đại học vùng. Đáng chú ý, đại học vùng và các đơn vị thành viên của đại học vùng được quyền thiết kế mẫu văn bằng giáo dục đại học, in phôi, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trước đây không quy định).

Đại học vùng quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ đối với các đơn vị trực thuộc và thuộc đại học vùng; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, duyệt giáo trình giáo dục đại học của các đơn vị trực thuộc và thuộc đại học vùng theo quy định

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng thay đổi cơ cấu tổ chức của đại học vùng bao gồm: Hội đồng đại học vùng; Giám đốc, phó giám đốc đại học vùng; Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng khác (nếu có); Trường đại học thành viên, viện nghiên cứu thành viên (nếu có), trường thuộc đại học vùng, ban chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ, thư viện; Khoa, phân hiệu, viện nghiên cứu...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 29/6/2020. Thông tư này làm hết hiệu lực Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

## **7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 12/5/2020 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà nội đã ban hành

Quyết định số 1955/QĐ-UBND về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo đó, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí trên địa bàn Thành phố như sau: người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương. Doanh nghiệp lập, hoàn thiện hồ sơ và lấy xác nhận của tổ chức công đoàn cơ sở, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi đang tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định.

Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở qua Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội để thẩm định và phê duyệt, bao gồm: danh sách đã có xác nhận của tổ chức công đoàn cơ sở (đối với đơn vị có tổ chức công đoàn hoạt động) và cơ quan bảo hiểm xã hội; bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương của lao động có tên trong danh sách; bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 và các giấy tờ chứng minh tài chính khác của doanh nghiệp; doanh nghiệp gửi hồ sơ xét duyệt hằng tháng, thời hạn gửi hồ sơ xét duyệt cuối cùng chậm nhất là ngày 15/7/2020.

Hộ kinh doanh cá thể lập hồ sơ đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng

Chính phủ; Bản sao Thông báo nộp thuế theo Mẫu số 01/TBT-CNKD ban hành kèm theo thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính. Thời gian hộ kinh doanh gửi hồ sơ xét duyệt chậm nhất là ngày 15/7/2020.

Đối với người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện như sau:

Người lao động lập hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hợp pháp, hồ sơ gồm có: Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; Quyết định thôi việc; Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc; Bản sao sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, trường hợp không có sổ bảo hiểm xã hội thì người lao động nêu rõ lý do trong giấy đề nghị; thời gian người lao động gửi hồ sơ xét duyệt chậm nhất là ngày 30/7/2020.

Đối với người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm, người lao động lập hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hợp pháp sau ngày 15 hằng tháng, hồ sơ gồm có: giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng

Chính phủ; bản photo hộ khẩu thường trú hoặc Giấy tạm trú; người lao động có nơi thường trú và nơi tạm trú không trong phạm vi một xã, phường, thị trấn, nếu đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng các chính sách theo Quyết định này và ngược lại.

Đối với người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân) qua Phòng Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội để thẩm định và phê duyệt, hồ sơ gồm có: Đề nghị xác nhận đối tượng hưởng chính sách vay vốn để trả lương ngừng việc theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-

TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng chính phủ; danh sách đã có xác nhận của tổ chức công đoàn cơ sở (nếu có); bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/ hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề; Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư; bản sao báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020. Chậm nhất ngày 05 hàng tháng, người sử dụng lao động gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (riêng tháng 5 chậm nhất là ngày 20 tháng 5); thời hạn gửi hồ sơ xét duyệt cuối cùng chậm nhất là ngày 05/7/2020.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/5/2020.

## VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

### **DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*Quốc Hội đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.*

*Theo đó, Dự thảo quy định văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình*

*chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan khác có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành. Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.*

*Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*



và ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.

Tờ trình dự thảo phải nêu rõ sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; quá trình xây dựng dự án, dự thảo; bố cục; nội dung cơ bản của dự án, dự thảo; tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án, dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ủy ban pháp luật tập hợp và chủ trì thẩm tra đề nghị về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của

cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội và kiến nghị về luật, pháp lệnh của đại biểu Quốc hội. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm thẩm tra đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực do mình phụ trách; gửi ý kiến thẩm tra đến Ủy ban pháp luật và cử đại diện tham dự, phát biểu tại phiên họp thẩm tra của Ủy ban pháp luật. Nội dung thẩm tra tập trung vào sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh; sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính thống nhất, tính khả thi, thứ tự ưu tiên, thời điểm trình, điều kiện bảo đảm để xây dựng và thi hành văn bản.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

**1. Hỏi:** Người lái xe ô tô khi điều khiển phương tiện phải mang theo những giấy tờ gì?

**Trả lời:** Khoản 2 điều 58 Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 quy định người lái xe ô tô khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau: Đăng ký xe; Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới; Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

**2. Hỏi:** Người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao

thông phải mang theo những giấy tờ gì?

**Trả lời:** Khoản 2 điều 62 Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 quy định người điều khiển xe máy chuyên dùng khi tham gia giao thông phải mang theo các giấy tờ sau đây: Đăng ký xe; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng.

**3. Hỏi:** Mức xử phạt đối với người điều khiển xe ô tô không mang

*theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông?*

**Trả lời:** Khoản 3 điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức xử phạt đối với người điều khiển xe ô tô không mang theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông như sau:

Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy phép lái xe; người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy đăng ký xe; người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

**4. Hỏi:** *Mức xử phạt đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông?*

**Trả lời:** Khoản 2 điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định mức xử phạt đối với người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy tờ xe khi tham gia giao thông như sau:

Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực; người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe; người điều khiển xe mô tô và các loại xe tương tự xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.